

Nhìn lại và góp thêm những giải pháp kiềm chế lạm phát ở VN

GS.TS. NGUYỄN THANH TUYỀN

Bối cảnh diễn tiến lạm phát ở VN có nhiều cách nhìn và nhận định khác nhau. Với cách nhìn xuyên suốt ngay từ khởi đầu về hiện tượng này, tác giả xin bày tỏ các quan điểm sau:

1. Có phải mọi hiện tượng lạm phát đều do nguyên nhân suy thoái kinh tế?

Hiện trạng tăng chỉ số giá cả (CPI) ở VN có mầm mống từ năm 2005 - 2006, khi mà nền kinh tế VN đang trên đà ổn định về cơ cấu và nhịp độ tăng trưởng. Tình trạng đó kéo dài suốt 2007. Song do hạn chế về khả năng dự báo và sự nhạy bén trong điều hành kinh tế vĩ mô mà lạm phát bùng phát ở “đỉnh điểm” vào cuối quý I/2008 với mức tăng giá tiệm cận tới 20%. Điều này như một cảnh báo về tính bức xúc của việc điều chỉnh chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ, mà trong đó, chính sách tiền tệ là tiêu điểm.

Nhìn từ bối cảnh của lạm phát ở VN (mà trực tiếp là hiện tượng tăng CPI), không thể nói đó là biểu hiện của nền kinh tế suy thoái hay khủng hoảng tiền tệ có tính nguy cấp, mà nó đang diễn ra trong trạng thái kinh tế có những chuyển biến tích cực.

Có thể nói, lạm phát diễn ra theo các chu trình kinh tế, có tính “qui luật”; ví như quá trình kinh tế – XH phát triển theo đường “xoắn ốc”. Điều này cũng đồng nghĩa trong quá trình phát triển, cái cũ được thay thế dần bằng các nhân tố mới, tích cực hơn, phù hợp hơn nhưng cái cũ cũng không tự phủ định ngay mà cần phải có quá trình theo qui luật chuyển hóa lượng thành chất.

Lạm phát có thể diễn ra ở một quốc gia, khu vực hay quốc tế. Trong một quốc gia, lạm phát có thể diễn ra toàn cục hay cục diện... đồng thời nó cũng phản ánh sự tác động từ hai nhân tố: một là, do sự suy thoái kinh tế; hai là; tạo ra các tác nhân tích cực để phá vỡ toàn cục hay cục bộ các quan hệ kinh tế cũ, xác lập môi trường cho chu trình kinh tế mới. Ở VN hiện tượng lạm phát đang diễn ra được coi như là sự đòi hỏi bức xúc của việc điều chỉnh cục diện cơ cấu kinh tế cũ, thiết lập trật tự kinh tế mới, mặt bằng giá mới, thiết chế kinh tế mới tương thích nhằm tạo nền móng vững chắc cho sự phát triển bền vững theo hướng toàn cầu hóa.

Điều đó, có thể minh chứng lạm phát VN diễn ra trong bối cảnh mà nền kinh tế đang chuyển động tích cực, thể hiện qua các yếu tố sau:

- Nền kinh tế VN đang phát triển lành mạnh với nhịp độ tăng trưởng những năm gần đây trên 8% hàng năm.

- Cơ cấu kinh tế vĩ mô và vi mô đang dần vào thế ổn định và có xu hướng chuyển dịch tích cực theo hướng CNH. Minh chứng năm tháng đầu năm 2008 so với năm 2007, sản lượng CN tăng 16,4%, giá trị xuất khẩu tăng 27,2%, dịch vụ du lịch tăng khá và tổng mức bán lẻ tăng 29,7%.

- Vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh chưa từng có so với 10 năm qua. Tính đến tháng 6/2008 các dự án được cấp phép đã lên đến 324, với tổng số vốn đăng ký 31,6 tỷ USD tăng 160% so với 6 tháng đầu năm 2007.

- Tiềm lực kinh tế dưới dạng các công trình kinh tế đang xây dựng với hàng tỷ USD lần lượt được hoà mạng và sẽ tham gia làm gia tăng GDP và tích lũy KTQD.

- Kinh tế tư nhân, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa với tốc độ phát triển nhanh, đa dạng tương đối ổn định góp phần không nhỏ vào tăng trưởng kinh tế và mở rộng nhu cầu về nguồn lực ở nhiều cấp độ khác nhau.

- Lương thực, một nhân tố quan trọng bảo đảm ổn định đời sống và chính trị vẫn còn nhiều tiềm năng trong cung ứng tiêu dùng, dự trữ và xuất khẩu (4,5 triệu tấn 2008) đủ hậu thuẫn cho một nền kinh tế phát triển lành mạnh.

- Cung – cầu lao động tiếp tục tăng trưởng trong mọi lĩnh vực hoạt động của nền kinh tế; đặc biệt cầu về lao động có trình độ cao đang tăng nhanh – dấu hiệu của một nền kinh tế đang trên lộ trình HĐH.

- Thể chế kinh tế và cơ chế điều hành thị trường đang được hoàn thiện theo hướng đa phương hóa, đa diện hóa đang tiến vào chiều sâu trên con đường hội nhập. Có thể khẳng định rằng, hiện tượng lạm phát diễn ra VN không bắt nguồn từ nền kinh tế suy kém mà ở nền kinh tế đang trên thế mạnh. Từ phân tích những đặc điểm trên, có thể rút ra:

Thứ nhất, lạm phát ở VN hiện nay, không do nguyên nhân suy kém của nền kinh tế mà xuất phát từ yêu cầu

bức xúc về chuyển hóa mâu thuẫn giữa tình trạng kinh tế nội tại với xu thế phát triển kinh tế theo xu hướng toàn cầu hóa. Do vậy cần xử lý bằng thái độ bình tĩnh.

Thứ hai, với mức lạm phát 2 con số thì việc giảm phát xuống 1 con số cần có quá trình, không thể nóng vội.

Thứ ba, cần nhận diện và phân tích một cách toàn diện, xác thực các tác nhân khách quan và chủ quan gây lạm phát để hình thành đối sách thích ứng, không quá “cứng” cũng không quá “nhu” nhằm chủ động kiểm soát lạm phát một cách hữu hiệu.

Thứ tư, các giải pháp đưa vào thực thi nhằm kiềm chế lạm phát cần song hành giữa tình thế và tính chiến lược một cách tương thích, để vừa bảo đảm giảm phát lành mạnh vừa tạo nền cho sự ổn định và phát triển vững chắc.

2. VN có tránh được lạm phát như đã diễn ra không?

Như trên đã phân tích, hiện tượng lạm phát của VN đang diễn ra về cơ bản là do yêu cầu của sự chuyển biến về chất của nền kinh tế, thể hiện qua mâu thuẫn giữa nội sinh và ngoại lực trong điều kiện VN thâm nhập sâu, rộng vào tiến trình toàn cầu hóa kinh tế. Vì sao nó diễn ra trong thời gian này. Điều đó cần xem xét trên 2 phương diện kinh tế ngoại lực và nội sinh.

Tác động của ngoại lực

Nếu khủng hoảng tiền tệ châu Á năm 1997 – 1998, VN dường như đứng “ngoài cuộc”. Song sau hơn 10 năm tiếp tục đổi mới, kinh tế VN đang dần sâu vào công cuộc hội nhập khu vực và quốc tế với sự gia nhập vào ASEAN, AFTA (CEPT), WTO và các quan hệ đa phương đơn phương khác, đã đưa kinh tế VN vào vòng ảnh hưởng “dây chuyền”, bởi những biến động của kinh tế khu vực và toàn cầu. Trong đó có những nhân tố tác động trực tiếp hoặc gián tiếp.

Vừa qua, yếu tố tác động trực tiếp và sâu rộng có tính toàn cầu là sự khủng hoảng năng lượng mà chủ yếu là xăng dầu đã ảnh hưởng rất lớn đến quá trình lạm phát ở VN – giá xăng dầu liên tục leo thang từ vài chục USD thùng rồi 140 USD, gần 150 USD/thùng đã thâm nhập trên diện rộng trong lưu thông hàng hóa, từ khâu ngoại nhập rồi lan rộng đến thị trường làm tăng chỉ số giá cả CPI dẫn tới phá vỡ mặt bằng giá cũ, khó có thể kiềm chế trong thời gian ngắn. Nếu Chính phủ không kiềm giá “xăng dầu” trong thời gian qua thì chỉ số giá tăng còn trầm trọng hơn. Đây là yếu tố khách quan mà tiềm lực kinh tế VN chưa đủ khả năng chủ động kiểm soát và ngăn chặn. Điều này có thể liên hệ với cuộc khủng hoảng ở Mỹ những năm 70 thế kỷ 20, khi mà khối OPEC cấm

vận xăng dầu đối với Mỹ để phản đối Mỹ đứng về phía ISRAEL trong cuộc chiến với các nước Ả Rập. Cuộc khủng hoảng dẫn tới lạm phát kéo dài đến cuối thập niên đó, mặc dù Mỹ là cường quốc kinh tế hàng đầu thế giới.

Ngoài ra VN còn chịu tác động của đồng USD giảm giá, làm ảnh hưởng đến kim ngạch xuất khẩu tăng nhập siêu. Số nhập siêu tính đến tháng 5/2008 tăng 55,3% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó sự giảm giá của đồng USD cũng tạo cơ hội cho đầu cơ xăng dầu ảnh hưởng đến cung – cầu thêm tác nhân cho giá xăng dầu leo thang liên tục, giá vàng dao động bất thường, không có lợi cho nền kinh tế. Giá vàng tuy diện ảnh hưởng của nó là giới hạn và gián tiếp đến một bộ phận XH đặc biệt trên thị trường bất động sản song cũng góp phần thêm tác nhân biến động tiêu cực đến mặt bằng giá cả trong thời lạm phát cả về mặt thực thể, tâm lý. Ngoài ra sự biến động của giá vàng mang tính tự phát, mà Chính phủ vẫn chưa có đủ các giải pháp điều hành có hiệu lực, không thể coi là yếu tố đứng ngoài quá trình lạm phát. Những tác động trên có thể là những yếu tố “nhập khẩu” lạm phát.

Tác động nội sinh

Với đặc điểm kinh tế VN, quá trình dần sâu vào công cuộc hội nhập cũng là quá trình đòi hỏi hoàn thiện toàn diện đồng bộ thể chế, cơ chế quản lý để thích ứng với xu thế toàn cầu hóa kinh tế. Với đặc thái đó, trong điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ, khó tránh khỏi những khiếm khuyết, mà những khiếm khuyết đó hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp tác động đến môi trường lạm phát. Cụ thể:

a) Năng lực dự báo kinh tế:

Mầm mống lạm phát đã có triệu chứng từ 2005-2006 với chỉ số gia tăng khó kiềm chế. Hiện tượng này được lộ diện từ ngoại lực và nội sinh. Song các dự báo về bối cảnh kinh tế thế giới và tác động của nó đối với nội tình kinh tế VN, dường như còn thiếu một “chỉ đạo chính thống” và chưa đặt mình trong thực sự hội nhập để có những phương sách ứng phó tương thích. Do vậy, mà chỉ sau khi mức độ lạm phát lên “cao điểm” vào giữa quý I/2008, mới xuất hiện là các giải pháp mang tính tình thế và sau đó mới hình thành những chính sách căn cơ.

b) Điều hành vĩ mô chính sách tài chính – tiền tệ

Chính sách tài chính – tiền tệ được coi như là công cụ kinh tế nhạy cảm và nếu không phù hợp sẽ dễ gây “tổn thương” cho nền kinh tế, đặc biệt là ảnh hưởng trực tiếp đến lạm phát. Những ảnh hưởng này thể hiện cụ thể:

Thứ nhất, về chính sách tài khóa: chính sách tài khóa thông qua hoạt động của NSNN là sự bội chi triền miên trong nhiều năm qua duy trì ở mức 5% GDP. Kéo

theo đó là sự kém hiệu quả trong phân bổ ngân sách như: chi đầu tư công quá lớn (40% tổng đầu tư XH bằng vốn trong nước) lại dàn trải và bình quân không tạo được những bước “đột phá” kinh tế. Quản lý ngân sách chưa thật sự thoát khỏi cơ chế bao cấp, thông qua cấp phát, hỗ trợ cho các doanh nghiệp bằng nhiều hình thức khác nhau; tạo sự ỉ lại cũng như sự hỗ trợ cho lãng phí tham nhũng công quỹ, mà lẽ ra các đối tượng đó phải thực hiện cơ chế tự chủ tài chính từ lâu. Chi thường xuyên còn nhiều lãng phí, chỉ riêng chi cho hội họp của các Bộ, ngành, địa phương có thể lên đến hàng trăm tỷ hàng năm mà rất ít hiệu quả. Cơ chế quản lý ngân sách còn lỏng lẻo cũng tạo cơ hội cho tham nhũng, đục khoét vốn ngân sách nhà nước với con số khó lường. Cơ chế xin cho vẫn còn tồn tại kể cả vốn ODA, làm mất cân đối về “cầu” giữa các ngành, các địa phương, đồng thời cũng không bảo đảm nguyên tắc công bằng trong phân phối vốn ngân sách nhà nước... Những khiếm khuyết nói trên của chính sách tài khóa diễn ra trong nhiều năm thật sự là những tác nhân trực tiếp tạo mầm mống và cơ hội lạm phát khi nó cùng “cộng hưởng” với những yếu tố khác.

Thứ hai, về dự trữ bắt buộc, việc “buông lỏng” dự trữ bắt buộc đối với các định chế tài chính trung gian, nay “đột ngột” thắt chặt bằng tỷ lệ 4 – 11% trên tổng số dư tiền gửi cũng gây hiệu ứng đến quan hệ cung cầu tiền tệ trong nền kinh tế quốc dân, cụ thể là góp phần “kích chế” lãi suất NHTM theo hướng “tự phát” nhất thời, theo lợi ích trước mắt không lường đến hệ quả. Điều này được coi là một trong những tác nhân tiềm ẩn đến những động thái của lạm phát.

Thứ ba, về TTCK việc hình thành “giá ảo” đưa cao trào giá, cách biệt quá xa với thực giá cổ phiếu vào cuối năm 2006, đã tạo ra một tầng lớp “tỷ phú mới” một cách bất ngờ ngoạn mục khiến họ có đủ khả năng dự phần và làm “nóng” giá bất động sản. Do tăng cầu về bất động sản, cơ hội đầu tư vào thị trường này cũng tăng nhanh làm tăng cung tín dụng từ NHTM, dẫn tới ảnh hưởng toàn cục đến cung – cầu tín dụng về thị trường bất động sản, lan ra các lĩnh vực hoạt động khác. Hậu kỳ của cao trào “giá ảo” là sự thoái trào với những phiên “chợ chiều” ế ẩm kéo dài. Nếu thời cao điểm cuối 2006, có những loại cổ phiếu giá giao dịch gấp 15 – 20 lần mệnh giá của nó, thì nay đồng loạt rớt giá và không ít có nhiều loại cổ phiếu chỉ giao dịch với 0,4 – 0,6% mệnh giá của chúng. Những động thái đó của TTCK - một khâu trọng yếu của thị trường tài chính, không thể không dự phần quan trọng vào những diễn biến của lạm phát.

Thứ tư, dòng vốn nước ngoài tăng nhanh vào đầu tư trực tiếp và gián tiếp (TTCK...), góp phần tăng trưởng

tiền tệ, tỷ lệ tăng tín dụng trên 38% so với tốc độ tăng trưởng GDP 8% cũng góp phần làm cho lượng tiền tham gia lưu thông tăng đáng kể, ảnh hưởng đến lượng cung – cầu trên thị trường. Bên cạnh đó tiền trong dân còn hàng chục ngàn tỷ mà NH không kiểm soát được, cũng có cơ hội tham gia vào cao trào lạm phát.

c) Điều hành các hoạt động kinh tế khác, ở đây chỉ đề cập đến các quan hệ kinh tế có ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình lạm phát đó là:

- Về cơ cấu kinh tế: cơ cấu kinh tế VN hiện nay chưa thực sự bảo đảm mục tiêu cho việc hoàn thành cơ bản CNH vào năm 2020, theo các góc độ nhìn dưới đây:

+ Nhìn trên toàn cảnh cơ cấu này chưa đáp ứng yêu cầu về chất lượng và tính hiện đại theo mục tiêu CNH nói trên trong xu thế toàn cầu hóa kinh tế và cần có những bước điều chỉnh quan trọng tiếp theo.

+ Cơ cấu kinh tế ở các thành phố lớn có vai trò đầu tàu và động lực chưa định hình rõ nét của 1 cơ cấu CN – dịch vụ – nông nghiệp hoặc dịch vụ – CN – bền vững.

+ Cơ cấu nông nghiệp chưa được chuyển dịch căn bản theo hướng CNH bởi hơn 70% lao động vẫn còn gắn với nông nghiệp.

- Ngoài ra, việc các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước đầu tư đa lĩnh vực ngoài chức năng chính, chủ yếu là tập trung vào các ngành bất động sản, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, với mức đầu tư trên 7.370 tỷ VND, cũng vừa tạo thêm sự mất cân đối về cơ cấu và tính kém hiệu quả xã hội của nó trong cơ cấu đầu tư.

Hiện trạng đó, đang diễn ra trong mâu thuẫn giữa, kinh tế nội tại với yêu cầu của hội nhập, đang là những yếu tố quan trọng tạo sự phát sinh đan xen, pha lẫn về lạm phát cầu kéo, lạm phát cung (chi phí đẩy) v.v... góp phần “hậu thuẫn” vào “trào lưu” lạm phát.

- Điều hành bất động sản còn xa rời nguyên tắc đất đai là sở hữu toàn dân, tạo môi trường thiếu bình đẳng về hưởng thụ giữa các tầng lớp XH. Hậu quả đó là nảy sinh đầu cơ bất động sản phục vụ lợi ích (siêu lợi nhuận) cho một số ít và nắm khả năng lũng đoạn, tạo giá cả bất ổn định của thị trường bất động sản làm tăng nhu cầu tín dụng đầu tư trên thị trường này, gây nên sự thiếu “an cư lạc nghiệp” đối với một tầng lớp dân cư đông đảo và tác động dây chuyền đến giá cả trên nhiều thị trường khác. Nếu chúng ta không khắc phục bằng việc áp dụng các chính sách tài chính (thuế, lãi suất tín dụng...) để điều tiết (như các nước phát triển) thì nó vẫn còn cơ hội tạo ra các yếu tố tiêu cực và các tình huống bất ngờ trong quá trình tiếp sau ...

- Dịch bệnh lan rộng gây thiệt hại lớn trong nông nghiệp, đẩy giá lương thực, thực phẩm tăng nhanh.

Ngoài ra cũng còn một số yếu tố khác có tác động hoặc gián tiếp hoặc trực tiếp đến sự bất ổn của thị trường.

Từ phân tích trên về những tác động khách quan, chủ quan của ngoại lực và nội sinh, cùng với những khiếm khuyết khó tránh khỏi trong điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ, cộng thêm áp lực đối với kinh tế VN trong quá trình dần sâu vào công cuộc hội nhập theo nguyên tắc đa phương hóa, đa dạng hóa, thì VN khó tránh khỏi lạm phát vừa qua. Đó là sự đan xen giữa “nhập khẩu” lạm phát và lạm phát “nội tại” trong quá trình phát triển. Cũng cần nhấn mạnh rằng hiện tượng lạm phát đó, có thể được coi như một diễn tiến tích cực, nhằm xác lập lại mặt bằng kinh tế mới cho quá trình phát triển bền vững theo xu hướng toàn cầu hóa. Nhiệm vụ trọng yếu của Chính phủ hiện nay là phải lựa chọn các phương sách và giải pháp phù hợp, hiệu quả để nhanh chóng khắc phục lạm phát tạo cơ hội phát triển trên tầm cao mới.

3. Đánh giá các giải pháp thực thi về kiềm chế lạm phát

Để có cơ sở đánh giá đúng mức các giải pháp kiềm chế lạm phát do Chính phủ đề xuất, trước hết có thể tham khảo:

Theo công bố của WB hôm 9/6/2008 rằng: “có những dấu hiệu cho thấy gói chính sách bình ổn kinh tế của VN đã tỏ ra hiệu quả...” và WB còn nhận định rằng “việc thắt chặt tín dụng như một phần của gói giải pháp ổn định kinh tế đã có tác động...” đối với nhiều lĩnh vực hoạt động. Tương tự chủ tịch Ngân hàng Phát triển Á Châu (ADB) và giám đốc ngân hàng này tại VN cũng đánh giá như trên tại Diễn đàn các nền kinh tế đang nổi (1-7/2008).

Các giải pháp mà Chính phủ VN đưa ra để kiềm chế lạm phát trong thời gian qua có thể phân thành 2 loại: thứ nhất là, giải pháp “nhảy cảm” hay giải pháp “tình thế”; thứ hai là, các giải pháp căn cơ (chiến lược).

3.1. Các giải pháp “nhảy cảm” đó là giải pháp khống chế lãi suất tiền gửi dưới mức 12% (NHNN 26/2/2008) trong bối cảnh các NHTM chạy đua lãi suất lên 14 – 15%, đặc biệt là lãi suất ngắn hạn từ 1 – 3 tuần lên tới 13%/năm cá biệt lên 18%/năm từ 1 – 3 tháng (Navibank).

Sự kiện khống chế lãi suất tiền gửi dưới 12% nói trên, trong bối cảnh và thời điểm đó là hợp lý bởi:

Thứ nhất, nếu không có sự can thiệp đúng lúc nói trên của NHNN, thì khó tránh khỏi sự rối loạn trong trật tự lưu thông tiền tệ, dẫn đến hậu quả khó lường, ảnh hưởng lớn đến chi phí kinh doanh, có thể là xúc tác làm

gia tăng lạm phát về “cung” (chi phí đẩy).

Thứ hai, do coi trọng lợi ích trước mắt, các NHTM tăng nhanh lãi suất tín dụng qua đêm và ngắn hạn, như đã đề cập ở trên, dễ tạo ra nguồn tín dụng “bong bóng” bởi dòng tiền chạy lòng vòng theo lợi ích cục bộ làm giảm thể ổn định bền vững về nguồn vay của các NHTM, không thể không ảnh hưởng bức tranh toàn cảnh của nền kinh tế.

Vượt qua cơn “sốt” tín dụng nói trên và tháng 6/2008 NHNN cho tháo gỡ trần lãi suất vay 12% và cho vay 18% (19/5/2008) và tiếp tục điều chỉnh lãi suất vay 14% và lãi suất cho vay 21% (11/6/2008), việc này đã đáp ứng được đòi hỏi của thị trường tín dụng theo diễn biến của thị trường tiền tệ. Đó là những bước đi có bài bản, hợp thời hợp lý và có hiệu lực tức thời. Trên cơ sở đó tiếp tục điều chỉnh linh hoạt theo diễn tiến kinh tế.

Tuy nhiên những giải pháp của NHNN khống chế lãi suất trần rồi tháo gỡ nó theo bối cảnh và thời điểm nói trên, cũng có những phản ứng khác nhau. Trong đó có quan điểm cho rằng việc khống chế lãi suất trần 12% trong bối cảnh và thời điểm đó, là xa rời nguyên tắc thị trường, thậm chí có những yếu tố vi phạm luật (TG C.S.K). Quan niệm này có thể là một nhận thức máy móc về vai trò của Nhà nước trong cơ chế kinh tế thị trường. Cần nhấn mạnh rằng, vai trò của Nhà nước luôn hiện diện trong bất cứ nền kinh tế nào và tùy vào trình độ phát triển của nền kinh tế mà mức độ, phương pháp và hình thức can thiệp khác nhau, kể cả phương pháp kinh tế và biện pháp hành chính (can thiệp vô hình và hữu hình).

Nếu ở các nước phát triển (Mỹ, châu Âu) với nền kinh tế thị trường thực thụ, kinh tế tư nhân giữ địa vị thống trị; ở đó vai trò kinh tế của Nhà nước chủ yếu được can thiệp bằng các phương pháp kinh tế. Ví dụ: để kiểm soát lạm phát vừa qua, Chính phủ các nước này hỗ trợ hàng trăm tỷ USD cho các NH để kiềm chế lãi suất tín dụng và ổn định tiền tệ.

Ở VN – nền kinh tế thị trường còn “phôi thai”, chưa hội đủ các yếu tố đích thực của kinh tế thị trường, đồng thời kinh tế nhà nước đang giữ vai trò chủ đạo theo định hướng XHCN; từ những đặc thù đó, ngoài việc sử dụng phương pháp kinh tế, Nhà nước còn sử dụng các biện pháp hành chính có “giới hạn” để điều hành nền kinh tế vì lợi ích của quốc kế dân sinh. Do vậy việc Nhà nước can thiệp bằng biện pháp hành chính có “giới hạn” trong điều hành chính sách tiền tệ bằng việc khống chế lãi suất trần 12% và nối dần theo các động thái kinh tế là hợp lý, hơn nữa Nhà nước cũng không đủ tiềm lực tài chính để hỗ trợ các NHTM kiềm chế lãi suất. Có thể liên

hệ, từ sau cuộc khủng hoảng tiền tệ DNA 1997 nhiều chuyên gia nước ngoài và Việt kiều kiến nghị liên tục với Chính phủ VN là nên phá giá đồng tiền thả nổi tỷ giá hối đoái. Song Chính phủ vẫn kiên trì điều hành tỷ giá linh hoạt sát với giá thị trường. Kết quả đã được minh chứng. Hoặc nếu Chính phủ thả lỏng việc điều hành giá một số mặt hàng chiến lược chủ lực và thiết yếu (14 mặt hàng) thì kinh tế có được ổn định như thời gian qua không? Không nên hiểu kinh tế thị trường, đặc biệt là với đặc điểm của VN là mọi quan hệ đều được thả nổi theo quy luật giá trị, qui luật cung cầu, và cạnh tranh không lành mạnh là phù hợp với nguyên tắc thị trường.

3.2. Đánh giá về các giải pháp căn cơ (chiến lược) để kiềm chế lạm phát.

Tiếp sau các giải pháp, nhạy cảm, Chính phủ đã đưa ra 7 giải pháp căn cơ để kiềm chế lạm phát.

Nhìn trên toàn cục, các giải pháp này có tầm chiến lược và thích ứng với quá trình kiểm soát lạm phát diễn ra trong thế phát triển tích cực theo xu hướng toàn cầu hóa kinh tế ở VN.

Trong hệ thống giải pháp đó, có những giải pháp có tính quyết định có giải pháp hỗ trợ cũng với các giải pháp đồng bộ, hướng vào tiêu điểm là kiềm chế một cách tích cực tình hình lạm phát đồng thời bảo đảm sự ổn định căn cơ trong quan hệ qua lại giữa kinh tế và xã hội cho quá trình phát triển bền vững tiếp sau.

3.2.1. Về các giải pháp có tính chất quyết định

Các giải pháp này tập trung vào các lĩnh vực tài chính, tiền tệ và những khâu trọng yếu trong phát triển sản xuất, lưu thông, phân phối, vừa có tác động trực tiếp và lâu dài đến sự ổn định và tạo cơ hội chuyển hóa của nền kinh tế, với 4 giải pháp sau:

Thứ nhất, chính sách thắt chặt tiền tệ. Thực chất, lạm phát do tác động của nhiều yếu tố như: cơ cấu kinh tế, tình hình XNK, mức cung tiền, quan hệ tín dụng, chính sách tài khóa... Song nó biểu hiện tập trung qua lãng phí của các quan hệ tiền tệ. Do đó phải sử dụng các chính sách và công cụ tiền tệ để can thiệp và kiểm soát lạm phát. Giải pháp này trước hết, đòi hỏi phải hình thành cơ chế lãi suất linh hoạt, ứng biến với diễn tiến của thị trường tiền tệ một cách có hiệu quả đi đôi với điều chỉnh các quan hệ tín dụng hướng vào các hoạt động kinh tế trọng yếu, mà các hoạt động đó tác động có hiệu lực trong kiềm chế lạm phát. Đồng thời đòi hỏi phải có sự phối hợp đồng bộ giữa NHTW, hệ thống NHTM, các định chế tài chính trung gian khác và kể cả NSNN trong việc bảo đảm các thanh khoản của nền kinh tế... Đây có thể được như giải pháp trung tâm và có tính quyết định trong kiềm chế lạm phát, phù hợp với các động thái

trong thời lạm phát.

Thứ hai, về chính sách tài khóa, cắt giảm đầu tư công với hàng ngàn tỷ đồng một cách có cân nhắc, đối với những công trình chưa thật thiết yếu lên tới gần 7.000 tỷ VND (riêng NSNN cắt giảm 5.876 tỷ VND) và giảm chi thường xuyên (10%) trong tổng chi NSNN, nhằm góp phần giảm lượng cung tiền ra lưu thông, hỗ trợ các khoản chi thiết yếu khác, bị biến động do ảnh hưởng của lạm phát và kiềm chế sự giảm sức mua trên thị trường, góp phần ổn định an sinh xã hội.

Thứ ba, gồm nhóm giải pháp thứ ba và thứ tư của Chính phủ là tập trung sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, lương thực, thực phẩm, đẩy nhanh xuất khẩu, giảm nhập siêu là những giải pháp bảo đảm ổn định cung - cầu hàng hóa cho XH, cũng là để ổn định giá cả, tiến tới giảm phát, tạo nền tảng cho sự phát triển cao hơn sau thời hậu lạm phát.

3.2.2. Các giải pháp hỗ trợ; gồm 2 giải pháp năm và sáu của Chính phủ là: triệt để tiết kiệm trong sản xuất tiêu dùng và tăng cường công tác quản lý thị trường. Tiết kiệm trong đời sống kinh tế là quốc sách. Đứng trên góc độ kiểm soát lạm phát, nó có tác động:

- Kiểm chế đồng tiền tham gia vào lưu thông làm tăng cung về tiền trên thị trường tài chính cũng như có thể làm tăng giá cả.

- Hạn chế tối đa các dòng tiền tham gia lưu thông có thể gây ảnh hưởng xấu trong thực thi chủ trương thắt chặt tiền tệ và kiềm chế lạm phát.

Song song đó, việc tăng cường công tác quản lý thị trường như là một biện pháp ngăn chặn tính tự phát và tâm lý gây bất ổn trên thị trường, kiềm chế sự tăng "đột biến" của giá cả, ảnh hưởng đến đời sống của các tầng lớp dân cư. Bởi giá lên rất khó kéo xuống và ảnh hưởng rất lớn đến sự thụ hưởng của những người có thu nhập thấp.

3.2.3. Các giải pháp đồng bộ – Xuất phát từ mối quan hệ đồng bộ và nhân quả giữa kinh tế và các vấn đề xã hội, đặc biệt là an sinh xã hội, có độ nhạy cảm cao với mọi tầng lớp dân cư. Do vậy mặc dù trong điều kiện kinh tế lạm phát, Chính phủ vẫn cải thiện đời sống vật chất cho mọi đối tượng, trong mọi lĩnh vực hoạt động với các hình thức và mức hỗ trợ tương thích trong khả năng mà Chính phủ có thể đảm bảo phương sách này được coi như là một thành tố quan trọng trong chính sách kiềm chế hiệu quả lạm phát và ổn định về chính trị.

4. Góp thêm các giải pháp về kiềm chế lạm phát

Từ phân tích lý luận và thực tiễn của quá trình lạm phát diễn biến, có thể cần bổ sung thêm các giải pháp để gia tăng hiệu lực kiềm chế lạm phát, củng cố thêm nền

tăng cho sự phát triển bền vững của thời hội nhập, theo các hướng chủ yếu sau:

- Cần đưa dự báo kinh tế lên thành một trong những nhiệm vụ kinh tế hàng đầu, bởi sự ảnh hưởng lớn và tích cực của nó đến việc điều chỉnh chính sách, ứng xử tình thế cho phù hợp với những đặc điểm và đặc thù kinh tế trong và ngoài nước.

- Nên sử dụng cụm từ “quản lý chặt chẽ tiền tệ” thay vì “thắt chặt tiền tệ”. Bởi trong bối cảnh lạm phát vẫn có những đối tượng đầu tư cần tăng vốn vì ý nghĩa chiến lược của nó và không nhất thiết tất cả đều “thắt chặt”. Ngay cả phát hành tiền, không phải bất cứ trường hợp nào cũng ảnh hưởng xấu đến kinh tế và làm gia tăng lạm phát. Nếu nó mở ra cơ hội cho sự phát triển “đột phá” và mang lại lợi ích căn bản của quốc kế dân sinh.

- Về chính sách tài khóa. Đổi mới cơ chế quản lý ngân sách theo hướng hội nhập. Đưa mức bội chi ngân sách Nhà nước xuống dưới 5% hàng năm. Thực hiện minh bạch, công khai, công bằng trong phân phối ngân sách vì nguồn thu của nó là sự đóng góp công sức của mọi người dân thông qua thuế. Xóa bỏ hoàn toàn tính bao cấp và cơ chế xin – cho vẫn đang còn tồn tại. Tiết kiệm hơn nữa các khoản chi thường xuyên (công vụ phí, hội họp...) ít mang lại hiệu quả thiết thực. Cần nhắc tái cơ cấu chi đầu tư công hướng đến hình thành cơ cấu kinh tế hiện đại theo mục tiêu CNH & HĐH hoàn thành cơ bản vào năm 2020. Khắc phục đầu tư dàn trải (kể cả ODA) vì nó vừa lãng phí vừa không tạo thế đột phá kinh tế. Có thể nói chính sách tài khóa có ảnh hưởng lớn đến quá trình xác lập cơ cấu kinh tế – XH và chính vậy nó cũng là một tác nhân quan trọng tạo “mầm” của lạm phát.

- Tiếp tục tái cấu trúc hệ thống NHTM thành những ngân hàng lớn đủ sức cạnh tranh với các ngân hàng nước ngoài đầu tư vào VN theo qui ước của WTO. Đồng thời tạo điều kiện cho Chính phủ chủ động can thiệp vào hình thành lãi suất tín dụng trong những điều kiện cần thiết và bức xúc.

- Khẩn trương thực hiện tách biệt quản lý Nhà nước về kinh tế với quản lý kinh doanh của các DNNN

Qua thực tiễn của lạm phát cùng với sự điều chỉnh lại đầu tư công trong diễn biến đó, cho thấy bao cấp đối với DNNN (tập đoàn, tổng công ty) là một trong những nguyên nhân làm tăng đầu tư công mà lẽ ra nó không nên tồn tại. Sự trả lại quyền tự chủ tài chính vốn dĩ của DNNN (không có chủ quản về quản lý kinh doanh) sẽ làm tăng nhanh tính năng động, hiệu quả hoạt động của các DNNN (khi còn là người đứng đầu Chính phủ, cố Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã nhiều lần phát biểu trước các

kỳ họp Quốc hội) và giảm đáng kể đầu tư công từ NSNN. Có những con đường đi khác nhau trong việc trả lại quyền tự chủ kinh doanh của các DNNN là:

- Nhanh chóng cổ phần hóa các DNNN mà Chính phủ không cần nắm giữ, bằng việc không khống chế mức vốn góp tối đa 51% để giữ quyền chi phối.

- Nhượng (bán) các DNNN hoạt động không hiệu quả và thua lỗ cho tư nhân quản lý hoặc liên doanh liên kết kinh tế. Các DNNN còn tồn tại chỉ nhận tài trợ của Chính phủ thông qua vay vốn (ưu đãi) của các quỹ đầu tư Nhà nước. Đây là giải pháp để giảm vốn đầu tư của Nhà nước, vừa tạo động lực cạnh tranh bình đẳng, nâng cao hiệu quả kinh doanh đối với tất cả các DN thuộc các thành phần kinh tế khác nhau – một yếu tố tích cực của tăng trưởng kinh tế và kiểm soát lạm phát.

- Thực hiện chính sách rộng mở hơn để thu hút đầu tư của KTTN vào mọi lĩnh vực hoạt động kinh doanh ngay cả đầu cơ sở hạ tầng có sinh lợi, nếu họ có đủ thực lực. Đặc biệt khuyến khích phát triển mạnh mẽ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong mọi lĩnh vực hoạt động. Bởi các doanh nghiệp này vừa tạo sự an toàn ổn định vững chắc cho nền kinh tế (Đài Loan có hơn 90% DN nhỏ và vừa ...) vừa tạo ra một tầng lớp trung lưu đông đảo, là lực lượng có khả năng chi phối quan hệ cung – cầu trên thị trường và có sức đề kháng mạnh đối với lạm phát ...

Kết luận

Cần khẳng định rằng, lạm phát ở VN hiện nay diễn ra trong bối cảnh kinh tế phát triển theo hướng hội nhập. Hiện tượng này có thể được coi như một diễn tiến tích cực, nhằm xác lập lại mặt bằng giá mới, mặt bằng kinh tế mới, thiết chế kinh tế mới, gia cố thêm nền móng cho sự phát triển bền vững trong xu thế toàn cầu hóa.

Hệ thống các giải pháp của Chính phủ về kiềm chế lạm phát đang diễn biến đã có hiệu lực. Với những tác động của ngoại lực và nội lực hiện hữu, cộng thêm các giải pháp toàn diện và đồng bộ trong điều hành kinh tế vĩ mô, chắc chắn lạm phát có thể được kiểm soát trong thời gian ngắn cho phép. Trên cơ sở đó, triển vọng mới sẽ mở ra cho kinh tế VN vững bước dần sâu vào con đường hội nhập ■

- Báo cáo Chính phủ tại kỳ họp Quốc hội (kỳ thứ ba, Quốc hội khóa XII).

- Các tạp chí *Phát triển kinh tế*, *Ngân hàng* trong quý 1/2008.

- Các báo *SGGP*, *Tuổi trẻ*, *Thanh niên*, *Người lao động* từ tháng 1-6/2008

- Các thông tin trên mạng.

- Các phương tiện truyền thông khác.